

Số: *12*/NQ-HĐND

Ayun Pa, ngày 31 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện 02 Chương trình
mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn phường**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG AYUN PA
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 26/7/2025 của UBND phường về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025; báo cáo thẩm tra số 05/HĐND-BKTNS của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND phường; ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu HĐND phường khóa I, tại kỳ họp thứ Hai.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 với tổng số tiền 2.367 triệu đồng (*Hai tỷ, ba trăm sáu mươi bảy triệu đồng*) với các nội dung như sau:

1. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

Tổng nguồn vốn phân bổ: 1.618 triệu đồng (*Một tỷ, sáu trăm mười tám triệu đồng*), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.499 triệu đồng;

- Ngân sách cấp xã: 119 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục 01, 1.1, 1.2, 1.3)

2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

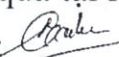
Tổng nguồn vốn phân bổ: 749 triệu đồng (*Bảy trăm bốn mươi chín triệu đồng*), trong đó:

- Ngân sách trung ương: 672 triệu đồng;
- Ngân sách cấp xã: 77 triệu đồng.

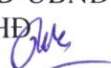
(Kèm theo phụ lục 02)

Điều 2. Giao UBND phường tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí và triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân phường trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân phường khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua tại kỳ họp thứ Hai, ngày 31 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy phường;
- Thường trực HĐND phường;
- Ủy ban nhân dân phường;
- UBMTTQVN phường;
- Thành viên UBND phường;
- Các đại biểu HĐND phường;
- Các đơn vị thuộc UBND phường;
- VP HĐND-UBND phường;
- Lưu VT.HĐ 



CHỦ TỊCH

Trần Quốc Khánh

[illegible]



Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất cải thiện dinh dưỡng
(Kèm theo Nghị quyết số: 12/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của HĐND phường)

Phụ lục 1.1

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó		Tiểu dự án 1: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp	NSTW	NSDP	NSDP		Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	NSTW	NSDP	NSDP		ĐVT: Triệu đồng
			NS TW	NSDP (NS phường)				NS cấp tỉnh	NS phường				NS cấp tỉnh	NS phường	
	Tổng số	295.000	270.000	25.000	110.000	100.000	10.000	0.000	10.000	185.000	170.000	15.000	0.000	15.000	
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	110.000	100.000	10.000	110.000	100.000	10.000		10.000						
2	Trung Tâm y tế Ayun Pa	185.000	170.000	15.000						185.000	170.000	15.000			15.000

Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững
(Kèm theo Nghị quyết số: 12 /NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của HĐND phường)



ĐVT: Triệu đồng

	Tổng cộng	Trong đó		TDA1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, vùng nghèo, vùng khó khăn	NSTW		NSDP		TDA3: Hỗ trợ việc làm bền vững	NSTW	NSDP	NSDP	
		NS TW	NSDP (NS phường)									NS cấp tỉnh	NS phường
	Tổng số	920.000	850.000	70.000	650.000	600.000	50.000	0.000	50.000	250.000	270.000	20.000	20.000
1	Phòng Văn hóa - Xã hội phường	850.000	70.000	650.000	600.000	50.000	0.000	50.000	270.000	250.000	20.000	0.000	20.000

Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình
 (Kèm theo Nghị quyết số: 12 /NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của HĐND phường)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó		Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	NSTW	NSDP	NSDP		Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	NSTW	NSDP	NSDP	
			NS TW	NS phường				NS cấp tỉnh	NS phường				NS cấp tỉnh	NS phường
	Tổng số	88.000	79.000	9.000	49.000	44.000	5.000	0.000	5.000	39.000	35.000	4.000	0.000	4.000
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và đô thị	88.000	79.000	9.000	49.000	44.000	5.000		5.000	39.000	35.000	4.000		4.000



PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số: 12/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của HĐND phường)

ĐVT: Triệu đồng																								
STT	Đơn vị, xã, phường	Tổng nguồn vốn năm 2025	Trong đó		Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiết đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt			Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS có nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù		Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN, kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình										
					Tổng dự án 1		Tổng dự án 5		Tiểu dự án 1: Đối mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PT Dân tộc nội trú, trường PT Dân tộc bán trú, trường PT có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS		Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc		Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN		Tổng dự án 9		TDA2: Giám thiếu tình trạng ảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN		TDA1: Biểu dương tôn vinh điển hình, phát huy vai trò người có uy tín, phổ biến GDPL, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào, truyền thông phục vụ tổ chức triển khai DA tổng thể và CTMTQG PT KTXH vùng DB DTTS&MN					
			NSTW	NS phường	NSTW	NS phường	NSTW	NS phường	NSTW	NS phường	NSTW	NS phường	NSTW	NS phường	Tổng TDA 1	NSTW	NS phường	Tổng TDA 3	NSTW	NS phường				
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21		
	Tổng số	749.000	672.000	77.000	217.000	150.000	67.000	262.000	-	69.000	60.000	133.000	99.000	95.000	4.000	171.000	166.000	162.000	4.000	5.000	5.000	-		
1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường	217.000	217.000	-	217.000	150.000	67.000																	
2	Trường TH-THCS Lê Văn Tâm phường	69.000	-	69.000	-			69.000																
3	Phòng Văn hóa - Xã hội phường	463.000	455.000	8.000	-			193.000			60.000	133.000	99.000	95.000	4.000	171.000	166.000	162.000	4.000	5.000	5.000			

ĐVT: Triệu đồng